

Số: 5621517

	TOWNER E V2.7 - 2S	TOWNER E V2.6-2S
Giá niêm yết:	512.000.000đ	489.000.000đ
KÍCH THƯỚC:		
Kích thước tổng thể(DxRxH)	4.800 x 1.690 x 2.000 mm	4.500 x 1.690 x 2.000 mm
Kích thước lọt lòng thùng(DxRxH)	2.930 x 1.505 x 1.340 mm (5.9 m³)	2.620 x 1.505 x 1.340 mm (5.28 m³)
Chiều dài cơ sở	3.135 mm	2.930 mm
Vết bánh xe trước/sau	1.442/ 1.455 mm	1.442/ 1.455 mm
KHỐI LƯỢNG:		
Khối lượng bản thân	1.575 kg	1.510 kg
Khối lượng chở cho phép	945 kg	945 kg
Khối lượng toàn bộ	2.650 kg	2.585 kg
Số chỗ ngồi	02	02
ĐỘNG CƠ:		
Tên động cơ	INOVANCE - TZ180XS146	INOVANCE - TZ180XS146
Loại động cơ	Động cơ điện - Pin CATL Lithium - Dung lượng pin 41.86 kWh - Quãng đường di chuyển 1 lần sạc 300km - Định mức sạc 2C - Thời gian sạc nhanh DC (20% → 80%) 18 phút	Động cơ điện - Pin CATL Lithium - Dung lượng pin 41.86 kWh - Quãng đường di chuyển 1 lần sạc 300km - Định mức sạc 2C - Thời gian sạc nhanh DC (20% → 80%) 18 phút
Dung tích xi lanh	-	-
Công suất cực đại/ tốc độ quay	75 kW/rpm	75 kW/rpm
Mô men xoắn/ tốc độ quay	180 Nm/rpm	180 Nm/rpm
TRUYỀN ĐỘNG:		
Ly hợp	-	-
Hộp số	-	-
Tỷ số truyền	-	-
HỆ THỐNG PHANH:		
Hệ thống phanh	Trước đĩa, sau tang trống, Thủy lực, trợ lực chân không, có ABS, EBD / Phanh tay điện tử (EPB)	Trước đĩa, sau tang trống, Thủy lực, trợ lực chân không, có ABS, EBD / Phanh tay điện tử (EPB)
HỆ THỐNG TREO:		
Trước	Độc lập, lò xo trụ, giảm chấn thủy lực	Độc lập, lò xo trụ, giảm chấn thủy lực
Sau	Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thủy lực	Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thủy lực
LỐP XE:		
Trước/Sau	195/70R15C	195/70R15C
ĐẶC TÍNH:		
Khả năng leo dốc	27.2 %	27.9 %
Bán kính quay vòng nhỏ nhất	6.5 m	6.2 m
Tốc độ tối đa	115 km/h	115 km/h
Dung tích thùng nhiên liệu	-	-
HỆ THỐNG LÁI:		
Hệ thống lái	Bánh răng – Thanh răng, cơ khí, trợ lực điện	Bánh răng – Thanh răng, cơ khí, trợ lực điện